

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2022/HNGĐ – ST

Ngày 15 tháng 12 năm 2022

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nghị và ông Hà Đức Trường;

- Thư ký phiên tòa: Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đinh Xuân Tiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2022/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Hà Thị H**, sinh năm 1995;

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1990.

Đều trú tại: Khu B 1 (nay là khu B), xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

(Chị H, anh Đ đều có đơn xin xét xử vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2022 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Hà Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Đ năm 2012, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Sau khi kết hôn, chị và anh Đ cùng chung sống, coi nhau là vợ chồng, tại nhà bố mẹ anh Đ ở tại khu B, xã Th. Quá trình chung sống, anh chị thường xuyên mâu thuẫn, đã được hai bên gia đình khuyên giải, bảo ban nhưng vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Từ đó đến nay, chị và anh Đ không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Nay, không còn tình cảm với anh Đ, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

- Về con chung: Chị và anh Đ không có con chung.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Phía Bị đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ xác nhận, về thời gian chung sống, mâu thuẫn giữa anh và chị H như chị H trình bày là đúng. Anh đồng ý với quan điểm của chị H, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị H được ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị H không có con chung.

- Về chia tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn, Bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Chị H và anh Đ chung sống như vợ chồng với nhau kể từ năm 2012. Trong quá trình chung sống hai bên không hòa thuận, H phúc. Nay chị H có nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 57 của Luật hôn nhân gia đình, không công nhận chị H và anh Đ là vợ chồng. Về con chung; tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, chị H và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Về án phí sơ thẩm, chị H phải nộp tiền án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Chị Hà Thị H có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ, trú tại: khu B, xã Th, huyện T. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải do đó Tòa án đã xác định vụ án không hòa giải được và Quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị H, anh Đ đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện T xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân:

Năm 2012, chị Hà Thị H và anh Nguyễn Văn Đ được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục chung, nhưng hai bên không đăng ký kết hôn theo đúng quy định. Kể từ thời điểm cùng chung sống và coi nhau như vợ chồng đến nay, chị H, anh Đ chưa đăng ký kết hôn tại UBND cấp xã nơi anh hoặc chị đăng ký nhân khẩu thường trú. UBND xã Th, nơi anh Đ, chị H thường trú xác nhận không làm thủ tục đăng ký kết hôn cho chị H và anh Đ.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”*.

Tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”*

Như vậy, căn cứ vào quy định được viện dẫn nêu trên, đối chiếu với sự kiện pháp lý phát sinh giữa chị H và anh Đ thì quan hệ hôn nhân giữa anh, chị chưa được pháp luật thừa nhận. Mặt khác, trong quá trình chung sống như vợ chồng, hai bên có phát sinh mâu thuẫn. Anh, chị đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, chị H và anh Đ đều xác định hai bên cùng chung sống và coi nhau như vợ chồng từ năm 2012 mà không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định, đến nay anh chị cũng chưa đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kết hôn. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ giữa chị H và anh Đ không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, không công nhận chị H và anh Đ là vợ chồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- *Về con chung*: Chị H và anh Đ đều xác định không có con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

- *Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng*: Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vụ án trong phạm vi khởi kiện của Nguyên đơn và không giải quyết về chia tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của chị H, anh Đ. Khi chị H, anh Đ có yêu cầu thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định pháp luật.

- *Về án phí*: Chị H là Nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- *Về quyền kháng cáo*: Chị H và anh Đ được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[3]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận chị Hà Thị H và anh Nguyễn Văn Đ là vợ chồng.

2. *Về nuôi con chung*: Chị H và anh Đ không có con chung.

3. *Về Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng*: Không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. *Án phí dân sự sơ thẩm*: Chị H phải nộp toàn bộ 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận, chị H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2020/0007476 ngày 31/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị H, anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- THADS huyện T;
- UBND xã Th;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- THADS huyện T;
- UBND xã Thạch Kiệt;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hồng Mai